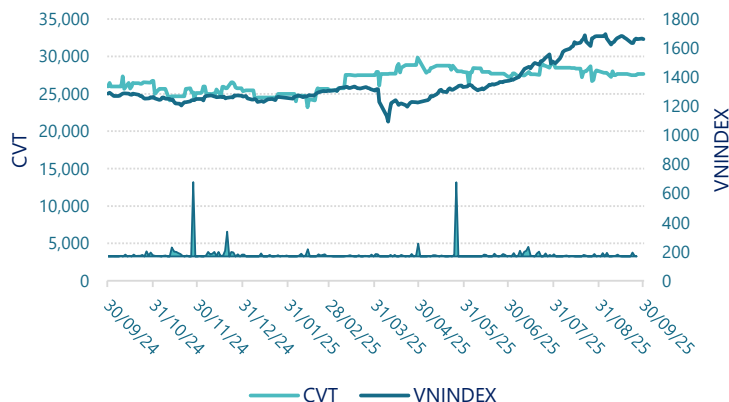


CTCP CMC (HSX: CVT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	27,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,200
SL cổ phiếu LH	36,690,887
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,200
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,015
P/E	22.1
EPS	1,250

DT thuần

Q3/25

521

tỷ VNĐ

QoQ: ▼72.0 | -12.1%

YoY: ▲65.0 | 14.3%

LN sau thuế

Q3/25

22.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲14.3 | 169%

YoY: ▼3.20 | -12.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

12.4%

+/- YoY: ▼3.1%

DT thuần

9T 2025

1,585

tỷ VNĐ

YoY: ▲402 | 34.0%

LN sau thuế

9T 2025

52.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.0 | -21.1%

ROE

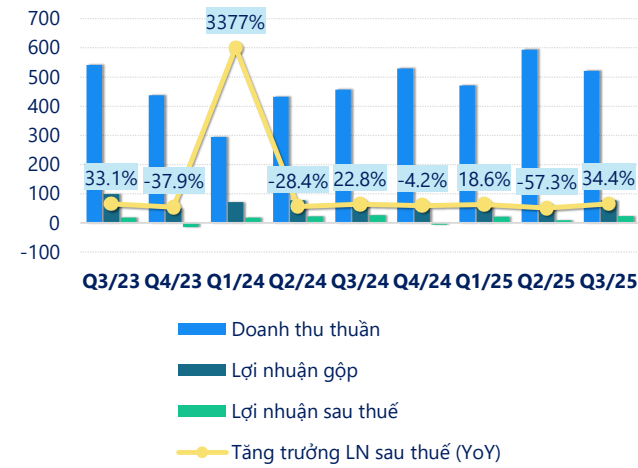
Q3/25

4.6%

+/- YoY: ▼0.9%

tỷ VNĐ

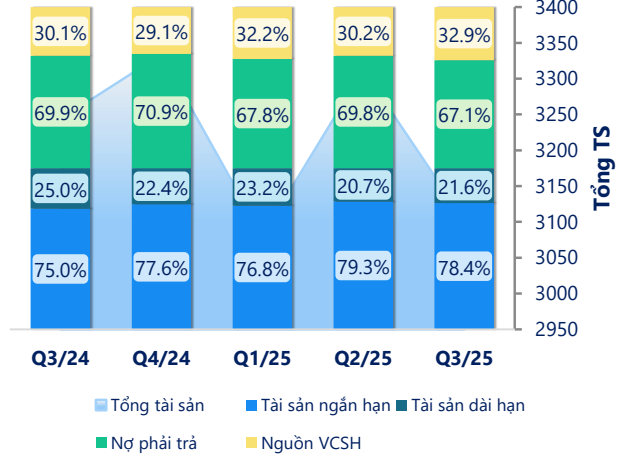
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

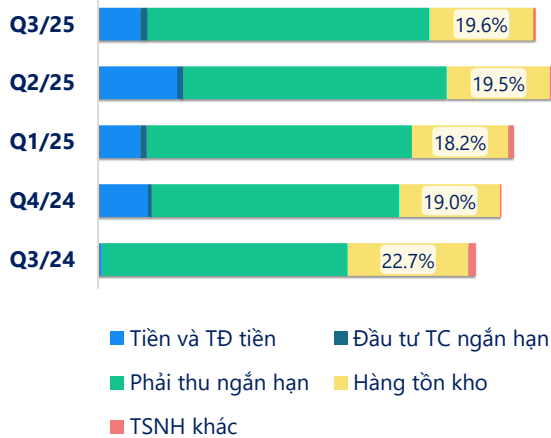
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



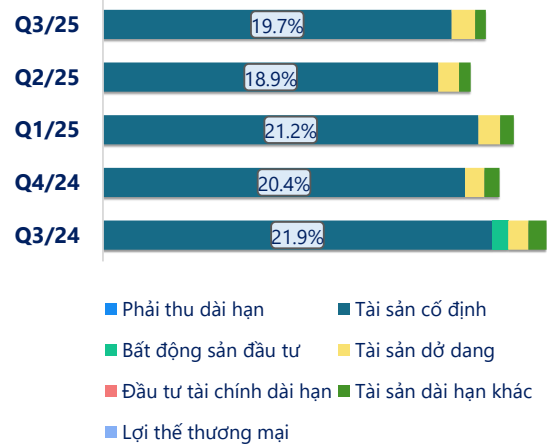
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

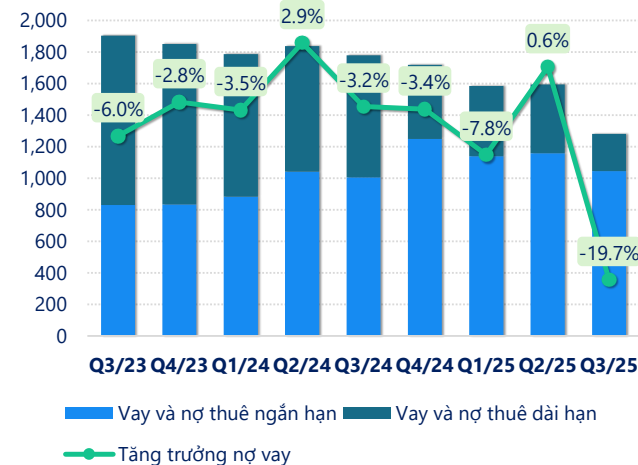
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

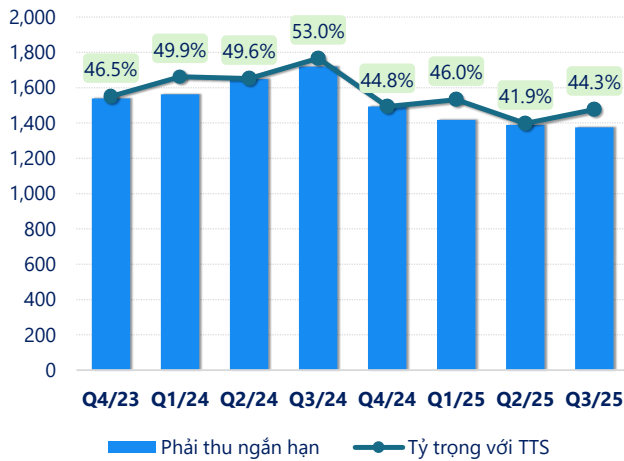
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



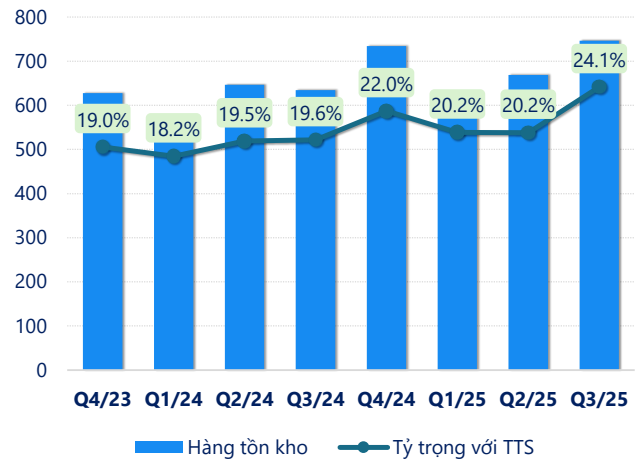
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


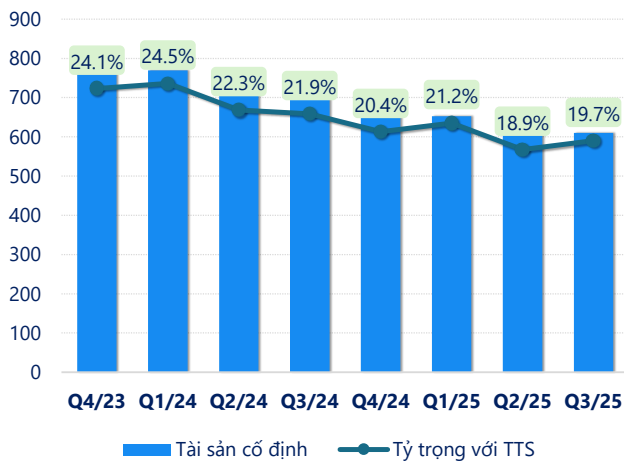
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


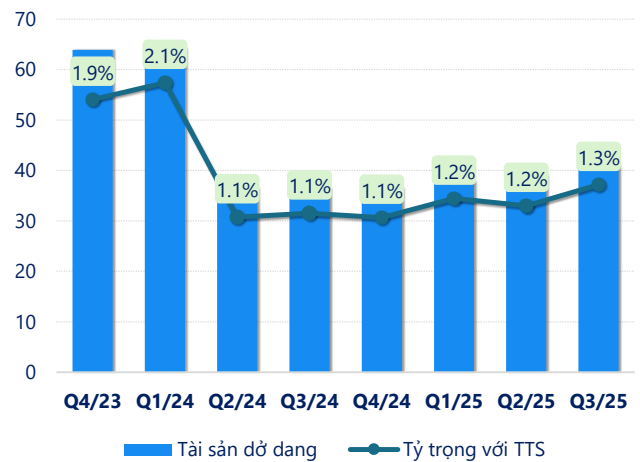
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

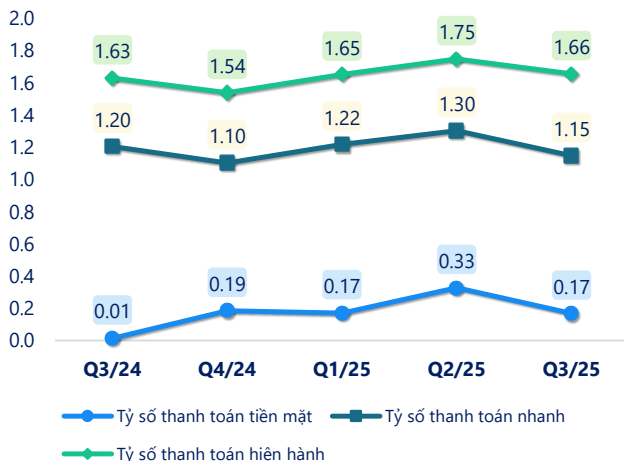
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

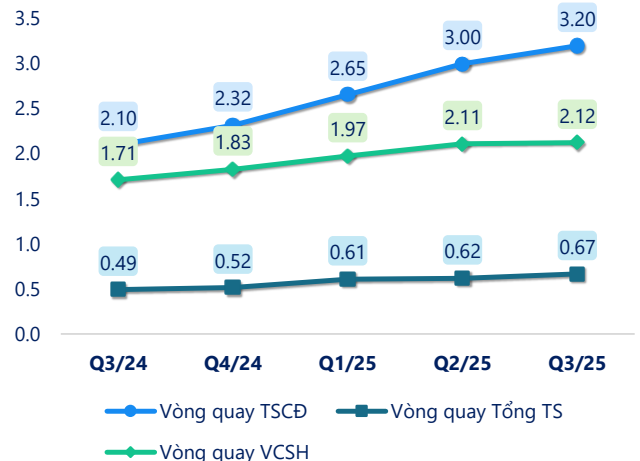
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	3,243	3,334	3,081	3,312	3,103
Tài sản ngắn hạn	2,432	2,588	2,367	2,625	2,433
Tiền và tương đương tiền	20.0	312	245	492	247
Đầu tư tài chính ngắn hạn	43.6	44.3	39.3	44.3	44.3
Phải thu ngắn hạn	1,719	1,493	1,417	1,388	1,375
Hàng tồn kho	634	734	622	668	747
Tài sản ngắn hạn khác	15.0	4.64	43.3	31.9	20.1
Tài sản dài hạn	812	746	714	687	670
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	712	681	653	627	610
Bất động sản đầu tư	29.9	0	0	0	0
Tài sản dở dang	36.5	36.5	37.9	39.1	41.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	33.7	28.3	23.8	21.5	18.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,266	2,363	2,090	2,312	2,081
Nợ ngắn hạn	1,492	1,682	1,433	1,501	1,469
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,005	1,248	1,140	1,158	1,044
Phải trả người bán ngắn hạn	283	243	171	187	214
Nợ dài hạn	774	682	657	811	611
Vay và nợ thuê dài hạn	774	470	445	436	236
Nguồn vốn chủ sở hữu	977	971	991	1,000	1,022
Vốn chủ sở hữu	973	967	988	996	1,019
Vốn điều lệ	367	367	367	367	367
Kinh phí và quỹ khác	3.84	3.64	3.44	3.23	3.03

(Nguồn: fireant.vn)